TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG KHÁNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **134**/2019/QĐST-HNGĐ	*Long Khánh, ngày 16 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 415/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019, về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Chị Tr, sinh năm: 1981.

- Anh V, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Số 40, đường 12, khu phố T, phường X, thành phố K, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2008, chị Tr và anh V tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, thị xã K, tỉnh Đồng Nai (Nay là phường X, thành phố K, tỉnh Đồng Nai). Quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc do tính cách không phù hợp, luôn bất đồng quan điểm. Chị Tr và anh V đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay chị Tr, anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 con chung cháu tên V, sinh ngày: 05/8/2009 và cháu X, sinh ngày: 18/01/2012. Khi ly hôn, chị Tr và anh V thỏa thuận giao 02 con chung cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh V không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Trung tâm Hòa giải – Đối thoại tại Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Đồng Nai là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật,

không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cả 02 cháu V, sinh ngày: 05/8/2009 và cháu X, sinh ngày: 18/01/2012 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Tạm thời anh V không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ. Khi cần thiết chị Tr, anh V được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr và anh V khai không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí: Chị Tr nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng lệ phí bà Tr đã nộp theo biên lai thu tiền số 009802 ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh Đồng Nai. Chị Tr đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. K;
- Chi cục THADS TP. K;
- UBND phường X (Số: 85/2008);
- Lưu Hồ sơ, án văn.

Thẩm phán

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai